TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN MINH** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **30**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 06-5-2022
"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Lê Chí Công

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Tôn Thị Kim Vui

Bà Phạm Thị Cẩm Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Ngọc Nđ, sinh năm 1982. Địa chỉ: kp 1, thị trấn T, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

2- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Bđ, sinh năm 1985. Địa chỉ: kp 1, thị trấn T, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 02-03-2020 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc Nđ trình bày và yêu cầu như sau:

Chị Nđ và anh Bđ quen biết tìm hiểu nhau trước rồi đi đến hôn nhân. Có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2018. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và cách sống; Chị Nđ lo làm ăn, anh Bđ

thường ăn nhậu dẫn đến cự cãi. Chị Nđ có 1 đời chồng và 2 con riêng hiện đang sống chung gia đình nên vợ chồng thường bất hòa. Chị và anh Bđ có 01 đứa con chung tên Nguyễn Lê Hoàng Lq, sinh ngày 17/9/2017. Vợ chồng không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung.

Nay chị Nđ yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bđ; yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con Nguyễn Lê Hoàng Lq, không yêu cầu anh Bđ cấp dưỡng nuôi con cùng chị; về tài sản và nợ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Bđ trình bày:

Anh Bđ thừa nhận quan hệ hôn nhân đúng như chị Nđ trình bày. Có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn T, cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2018. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn. Nay anh Bđ xin hàn gắn, vì còn thương vợ. Nếu Tòa xử cho ly hôn, anh Bđ xin được nuôi con; về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; từ khi thụ lý vụ án đến nay nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn thực hiện chưa đúng. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nđ có yêu cầu ly hôn nên Tòa án thụ lý đơn giải quyết theo khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân gia đình. Chị Nđ yêu cầu được ly hôn với anh Bđ và giải quyết việc nuôi con chung, không yêu cầu giải quyết các vấn đề khác nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa chị Nđ và anh Bđ là "Ly hôn và nuôi con".

Anh Bđ là bị đơn đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng, lý do khách quan nên HĐXX căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân, chị Nđ và anh Bđ chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được UBND thị trấn T, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 23/05/2018 nên là

quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Chị Nđ và anh Bđ sống chung một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh, chị có nhiều bất đồng về quan điểm, về cách sống; chị Nđ đã có 1 đời chồng và 2 đứa con riêng hiện sống chung gia đình nên vợ chồng thường bất hòa, cự cãi nhau; thời gian kéo dài nhưng anh chị không thể khắc phục được mâu thuẫn để vợ chồng tiếp tục chung sống. Từ đó cho thấy giữa chị Nđ và anh Bđ mục đích hôn nhân đã không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, HĐXX căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Nđ được ly hôn với anh Bđ.

[4] Về con chung, anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Lê Hoàng Lq, sinh ngày 17/09/2017. Chị Nđ và anh Bđ đều nêu nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con sau khi ly hôn. Thấy rằng thời gian qua con chung được chị Nđ nuôi dưỡng, chăm sóc tốt, không xảy ra sơ suất gì; chị Nđ có thu nhập đủ để nuôi con. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 81, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung cho chị Nđ trực tiếp nuôi dưỡng; anh Bđ không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Nđ không yêu cầu.

[5] Về tài sản chung và nợ chung, hiện chị Nđ và anh Bđ không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

[6] Về án phí, nguyên đơn chị Nđ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000đ theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 56, khoản 1 Điều 81, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị Ngọc Nđ và anh Nguyễn Văn Bđ.

2. Về con chung: Giao con chưa thành niên tên Nguyễn Lê Hoàng Lq, sinh ngày 17-9-2017 cho chị Nđ trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn; anh Bđ không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị Nđ.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nđ chịu án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn là 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số 0005235 ngày 11-01-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, chị Nđ đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nđ có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Bđ vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- UBND TT. T, AM, KG;
- Các đương sự;
- Lưu HS + VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Chí Công